TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** T□NH □I□N BI□N	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 5/ 2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái
2. Bà Cao Thị Hồng Minh
- **Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Lường Văn Đoản - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Ngày 07/5/2025. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 21/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm: 1979 (có mặt).
Địa chỉ: Bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên
2. Bị Đơn: Anh Lò Văn S sinh năm: 1976 (vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: Bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên
Hiện anh S đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đ. Địa chỉ: C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/02/2025 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Lò Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn S tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 1997 nhưng đến ngày 15/10/2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đ. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân do anh S sử dụng chất ma túy và bị nghiện chất ma túy gia đình có khuyên bảo anh S có đi cai nghiện uống Methadone ở xã nhưng không cai được. Tháng 3 năm 2024 anh S bị Tòa án nhân thành phố Đ, tỉnh Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Hiện anh S đang đi cai nghiện. Bản thân anh S trong quá trình chung sống cùng tôi và các con không chăm lo cho gia đình chỉ lo cho bản thân và nhu cầu sử dụng ma túy của anh S. Một mình tôi phải chăm lo cho 2 đứa con và cuộc sống rất khủng hoảng không có lối thoát, anh S đã bị nghiện ma túy lại còn đánh đập bạo hành tôi. Hiện tình cảm không còn nên Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chúng tôi có 2 con chung Lò Văn T sinh năm 1999 và Lò Văn C sinh năm 2001, hiện các cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 24/02/2025, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thành phố Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị H cho anh S biết việc chị H xin ly hôn.

Ngày 14/4/2025 Tòa án tiến hành giao văn bản tố tụng thông báo tiếp cận chứng cứ cho anh S. Tại bản tự khai ngày 14/4/2025 anh S khai về hôn nhân vợ chồng chung sống nhiều năm không có gì mâu thuẫn, cho đến năm 2012 bản thân bị bạn bè rủ rê nên đã sử dụng chất ma túy và hiện đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đ, bản thân vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, mong Tòa khuyên cô H rút đơn chờ tôi đi cai nghiện về.

Ngày 21/4/2025 Tòa án tiến hành kiểm tra tiếp cận chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 22/4/2025 Tòa án tiến hành giao thông báo kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận chứng cứ và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S. Bản thân anh S đang chấp hành biện pháp cai nghiện nên có đơn xin Tòa xét xử vắng mặt mặt theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về con chung và tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị H đã trình bày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn S và bà Lò Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh S sử dụng chất ma túy bị Tòa án nhân thành phố Đ, tỉnh Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Hiện anh S đang đi cai nghiện. Bản thân chị H thấy suộc sống không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai anh S gửi cho toà về hôn nhân anh cho rằng trong quá trình chung sống không mâu thuẫn gì, chỉ là anh bị bạn bè rủ rê không kiềm chế được bản thân nên từ năm 2012 đã bị nghiện chất ma túy, hiện tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Về con chung các cháu đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh S bị nghiện chất ma túy hiện anh S phải đi chấp hành biện pháp cai nghiện không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải được. Để đảm bảo quyền lợi của chị H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều luật này do anh S phải đi chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị H cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hoan xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Lò Văn S là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác yêu cầu của anh S về việc không đồng ý ly hôn.

[3] Về con chung: Cả chị H và anh S đều khai các cháu đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/216 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa: Chị Lò Thị H và bà anh Lò Văn S

2. Về con chung: Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001141 ngày 24/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/5/2025)

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Chi cục THADS Thành P;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hồng Minh Nguyễn Thị Nhung **Bạc Thị Liên**

Lò Văn Thương Nguyễn Quang Khải

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Trần Thị Tố Loan